

**CÔNG TY CỔ PHẦN GIAO DỊCH HÀNG HÓA QUỐC TẾ SFV**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN GIAO DỊCH HÀNG HÓA QUỐC TẾ SFV

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: SFV INTERNATIONAL COMMODITY TRADING JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt: SFV., JSC

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0110771340

**3. Ngày thành lập:** 02/07/2024

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Số 19 ngõ 10 Nguyễn Thị Định, Tổ 12, Phường Trung Hoà, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0984553377

Fax:

Email: [namntthanglong@gmail.com](mailto:namntthanglong@gmail.com)

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                                                  | Mã ngành    |
|-----|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 1.  | Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa (trừ hoạt động đấu giá)                                                                                                                                 | 4610        |
| 2.  | Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống                                                                                                                     | 4620        |
| 3.  | Bán buôn gạo, lúa mỳ, hạt ngũ cốc khác, bột mỳ                                                                                                                                             | 4631        |
| 4.  | Bán buôn thực phẩm                                                                                                                                                                         | 4632        |
| 5.  | Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm                                                                                                                                        | 4651        |
| 6.  | Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan                                                                                                                               | 4661        |
| 7.  | Bán buôn kim loại và quặng kim loại (trừ hoạt động kinh doanh vàng miếng)                                                                                                                  | 4662        |
| 8.  | Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu                                                                                                                                          | 4669        |
| 9.  | Vận tải hàng hóa bằng đường bộ<br>Chi tiết: Kinh doanh vận tải hàng hóa bằng xe ô tô                                                                                                       | 4933        |
| 10. | Vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương                                                                                                                                                    | 5012        |
| 11. | Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa                                                                                                                                                        | 5022        |
| 12. | Kho bãi và lưu giữ hàng hóa                                                                                                                                                                | 5210        |
| 13. | Môi giới hợp đồng hàng hoá và chứng khoán<br>Chi tiết: Môi giới hợp đồng hàng hóa                                                                                                          | 6612(Chính) |
| 14. | Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Hoạt động tư vấn đầu tư (không bao gồm tư vấn pháp luật, tư vấn tài chính, kế toán, kiểm toán, thuế và chứng khoán) | 6619        |
| 15. | Quảng cáo (trừ quảng cáo thuốc lá)                                                                                                                                                         | 7310        |

|     |                                                                                                                                                                      |      |
|-----|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 16. | Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận<br>(trừ hoạt động điều tra)                                                                                                 | 7320 |
| 17. | Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông                                                                                                                   | 4652 |
| 18. | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác<br>(Trừ bán buôn máy móc, thiết bị y tế)                                                                             | 4659 |
| 19. | Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng                                                                                                              | 4663 |
| 20. | Bán buôn tổng hợp<br>(Trừ kinh doanh dược phẩm và các hàng hóa nhà nước cấm)                                                                                         | 4690 |
| 21. | Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo<br>chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp<br>(không bao gồm kinh doanh thuốc lá ngoại) | 4711 |
| 22. | Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp                                                                                                                   | 4719 |
| 23. | Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                    | 4721 |
| 24. | Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                     | 4722 |
| 25. | Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                       | 4723 |
| 26. | Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong<br>các cửa hàng chuyên doanh                                                                           | 4772 |
| 27. | Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh<br>(Trừ vàng miếng, súng đạn, tem và tiền kim khí)                                                          | 4773 |
| 28. | Bán lẻ theo yêu cầu đặt hàng qua bưu điện hoặc internet<br>(Doanh nghiệp chỉ kinh doanh khi có đủ điều kiện theo quy<br>định của pháp luật)                          | 4791 |
| 29. | Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ<br>vận tải bằng xe buýt)                                                                               | 4931 |
| 30. | Cổng thông tin<br>(trừ các thông tin Nhà nước cấm và hoạt động báo chí)                                                                                              | 6312 |
| 31. | Dịch vụ thông tin khác chưa được phân vào đâu<br>(trừ các thông tin Nhà nước cấm và hoạt động báo chí)                                                               | 6399 |
| 32. | Hoạt động tư vấn quản lý<br>(không bao gồm tư vấn pháp luật, tài chính, chứng khoán và<br>hôn nhân có yếu tố nước ngoài)                                             | 7020 |
| 33. | Hoạt động thiết kế chuyên dụng<br>Chi tiết: Hoạt động trang trí nội thất                                                                                             | 7410 |
| 34. | Cho thuê xe có động cơ                                                                                                                                               | 7710 |
| 35. | Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không<br>kèm người điều khiển<br>(trừ máy bay và khinh khí cầu)                                                  | 7730 |
| 36. | Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên<br>quan đến máy vi tính                                                                                   | 6209 |
| 37. | Dịch vụ hành chính văn phòng tổng hợp<br>(trừ dịch vụ bảo vệ, kế toán, kiểm toán)                                                                                    | 8211 |
| 38. | Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại                                                                                                                            | 8230 |
| 39. | Dịch vụ đóng gói                                                                                                                                                     | 8292 |

|     |                                                                                                                                                            |      |
|-----|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 40. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu<br>(Ngoại trừ dịch vụ báo cáo tòa án, hoạt động đầu giá tài sản, hoạt động đòi nợ) | 8299 |
| 41. | Bán buôn đồ uống                                                                                                                                           | 4633 |
| 42. | Bán buôn vải, hàng may mặc, giày dép                                                                                                                       | 4641 |
| 43. | Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình                                                                                                                         | 4649 |
| 44. | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp                                                                                                     | 4653 |
| 45. | Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh                                                       | 4752 |
| 46. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường bộ                                                                                                    | 5225 |
| 47. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải<br>(trừ hóa lỏng khí để vận chuyển và hoạt động liên quan đến vận tải hàng không)                      | 5229 |
| 48. | Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh                                                     | 4741 |

**6. Vốn điều lệ:** 75.000.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

**7. Số cổ phần được quyền chào bán:** 7.500.000

**8. Cổ đông sáng lập:**

| STT | Tên cổ đông        | Địa chỉ liên lạc<br>đối với cá nhân;<br>địa chỉ trụ sở<br>chính đối với tổ<br>chức                           | Loại cổ<br>phần                    | Số cổ<br>phần | Giá trị cổ phần<br>(VNĐ) | Tỷ lệ<br>(%) | Số giấy<br>CMND<br>(hoặc số<br>chứng thực<br>cá nhân<br>khác); Mã<br>số doanh<br>nghiệp; Số<br>quyết định<br>thành lập | Ghi<br>chú |
|-----|--------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------|---------------|--------------------------|--------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------|
| 1   | ĐINH HỒNG<br>LƯƠNG | Khu nhà ở Hi<br>Brand KĐTMT<br>Văn Phú, Phường<br>Phú La, Quận Hà<br>Đông, Thành phố<br>Hà Nội, Việt Nam     | Cổ phần<br>phổ<br>thông            | 2.700.0<br>00 | 27.000.000.000           | 36,000       | 0400810358<br>75                                                                                                       |            |
|     |                    |                                                                                                              | Cổ phần<br>ưu đãi<br>biểu<br>quyết | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                    |                                                                                                              | Cổ phần<br>ưu đãi<br>cổ tức        | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                    |                                                                                                              | Cổ phần<br>ưu đãi<br>hoàn lại      | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                    |                                                                                                              | Các cổ<br>phần ưu<br>đãi khác      | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                    |                                                                                                              | Tổng số                            | 2.700.0<br>00 | 27.000.000.000           | 36,000       |                                                                                                                        |            |
|     |                    |                                                                                                              |                                    |               |                          |              |                                                                                                                        |            |
| 2   | VŨ THỊ MINH<br>THU | Số 11, ngõ 126<br>Hoàng Văn Thái,<br>Phường Khương<br>Mai, Quận Thanh<br>Xuân, Thành phố<br>Hà Nội, Việt Nam | Cổ phần<br>phổ<br>thông            | 750.000       | 7.500.000.000            | 10,000       | 0351820040<br>62                                                                                                       |            |
|     |                    |                                                                                                              | Cổ phần<br>ưu đãi<br>biểu<br>quyết | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                    |                                                                                                              | Cổ phần<br>ưu đãi<br>cổ tức        | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                    |                                                                                                              | Cổ phần<br>ưu đãi<br>hoàn lại      | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                    |                                                                                                              | Các cổ<br>phần ưu<br>đãi khác      | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                    |                                                                                                              | Tổng số                            | 750.000       | 7.500.000.000            | 10,000       |                                                                                                                        |            |
|     |                    |                                                                                                              |                                    |               |                          |              |                                                                                                                        |            |

|   |                       |                                                                                                                   |                                    |               |                |        |                  |
|---|-----------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------|---------------|----------------|--------|------------------|
| 3 | NGUYỄN<br>THÀNH NAM   | Thôn Ngự Câu,<br>Xã An Thượng,<br>Huyện Hoài Đức,<br>Thành phố Hà<br>Nội, Việt Nam                                | Cổ phần<br>ưu đãi<br>hoàn lại      | 0             | 0              | 0,000  | 0330770042<br>34 |
|   |                       |                                                                                                                   | Cổ phần<br>phổ<br>thông            | 1.425.0<br>00 | 14.250.000.000 | 19,000 |                  |
|   |                       |                                                                                                                   | Cổ phần<br>ưu đãi<br>biểu<br>quyết | 0             | 0              | 0,000  |                  |
|   |                       |                                                                                                                   | Cổ phần<br>ưu đãi<br>cổ tức        | 0             | 0              | 0,000  |                  |
|   |                       |                                                                                                                   | Các cổ<br>phần ưu<br>đãi khác      | 0             | 0              | 0,000  |                  |
|   |                       |                                                                                                                   | Tổng số                            | 1.425.0<br>00 | 14.250.000.000 | 19,000 |                  |
|   |                       |                                                                                                                   |                                    |               |                |        |                  |
| 4 | PHAN THỊ<br>HỢP THANH | Số 20, ngõ 72 phố<br>Tôn Thất Tùng,<br>Phường Khương<br>Thượng, Quận<br>Đống Đa, Thành<br>phố Hà Nội, Việt<br>Nam | Cổ phần<br>ưu đãi<br>hoàn lại      | 0             | 0              | 0,000  | 0331840106<br>01 |
|   |                       |                                                                                                                   | Cổ phần<br>phổ<br>thông            | 1.875.0<br>00 | 18.750.000.000 | 25,000 |                  |
|   |                       |                                                                                                                   | Cổ phần<br>ưu đãi<br>biểu<br>quyết | 0             | 0              | 0,000  |                  |
|   |                       |                                                                                                                   | Cổ phần<br>ưu đãi<br>cổ tức        | 0             | 0              | 0,000  |                  |
|   |                       |                                                                                                                   | Các cổ<br>phần ưu<br>đãi khác      | 0             | 0              | 0,000  |                  |
|   |                       |                                                                                                                   | Tổng số                            | 1.875.0<br>00 | 18.750.000.000 | 25,000 |                  |
|   |                       |                                                                                                                   |                                    |               |                |        |                  |
| 5 | NGUYỄN HÀ<br>HẢI NHƯ  | P10E1, TT Văn<br>Chương, Phường<br>Văn Chương,<br>Quận Đống Đa,<br>Thành phố Hà<br>Nội, Việt Nam                  | Cổ phần<br>ưu đãi<br>hoàn lại      | 0             | 0              | 0,000  | 0421790005<br>72 |
|   |                       |                                                                                                                   | Cổ phần<br>phổ<br>thông            | 750.000       | 7.500.000.000  | 10,000 |                  |
|   |                       |                                                                                                                   | Cổ phần<br>ưu đãi<br>biểu<br>quyết | 0             | 0              | 0,000  |                  |
|   |                       |                                                                                                                   | Cổ phần<br>ưu đãi<br>cổ tức        | 0             | 0              | 0,000  |                  |
|   |                       |                                                                                                                   | Các cổ<br>phần ưu<br>đãi khác      | 0             | 0              | 0,000  |                  |
|   |                       |                                                                                                                   | Tổng số                            | 750.000       | 7.500.000.000  | 10,000 |                  |
|   |                       |                                                                                                                   |                                    |               |                |        |                  |

## 9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

Thời gian đăng từ ngày 03/07/2024 đến ngày 02/08/2024

| STT | Tên cổ đông | Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức | Loại cổ phần | Số cổ phần | Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có) | Tỷ lệ (%) | Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức | Ghi chú |
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------|--------------|------------|-------------------------------------------------------------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------|--------------|------------|-------------------------------------------------------------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|

**10. Người đại diện theo pháp luật:**

\* Ho và tên: ĐINH HỒNG LƯƠNG

Giới tính: *Nam*

Chức danh: *Chủ tịch hội đồng quản trị*

Sinh ngày: 12/03/1981

Dân tộc: *Kinh*

Quốc tịch: *Việt Nam*

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: *Thẻ căn cước công dân*

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 040081035875

Ngày cấp: 22/09/2022

Nơi cấp: Cục cảnh sát Quản lý hành chính về Trật tự xã hội

Địa chỉ thường trú: *Khu nhà ở Hi Brand KĐT M Văn Phú, Phường Phú La, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

Địa chỉ liên lạc: *Khu nhà ở Hi Brand KĐTMT Văn Phú, Phường Phú La, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

**11. Nơi đăng ký:** Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội